



BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ~~10120~~ /BTC-QLCS

Hà Nội, ngày 07 tháng 7 năm 2025

V/v dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 63/2019/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công.

Kính gửi:

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08/01/2025 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 và ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 57/VPCP-KTTH ngày 03/01/2025 của Văn phòng Chính phủ về việc soạn thảo các Văn bản quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung 9 Luật trong lĩnh vực tài chính; Bộ Tài chính đã xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 63/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 quy định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công; thực hành tiết kiệm chống lãng phí; dự trữ quốc gia; kho bạc nhà nước (*phần nội dung liên quan đến lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công*).

Theo quy trình xây dựng và ban hành Văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tài chính xin gửi Quý Cơ quan Hồ sơ dự thảo Nghị định nêu trên (*Tài liệu kèm theo*).

Ý kiến tham gia của Quý Cơ quan xin gửi về Bộ Tài chính (Cục Quản lý công sản) **trước ngày 18/7/2025**.

(Ngoài ý kiến tham gia bằng văn bản, đề nghị gửi file mềm về địa chỉ mail maihaanh@mof.gov.vn – số điện thoại: 0906.207.345)

Mong nhận được sự phối hợp của Quý Cơ quan./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng Nguyễn Văn Thắng (để b/c);
- Các đơn vị trong Bộ;
- Lưu: VT, QLCS. (05b) *anh*

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Bùi Văn Khăng

Số: /2025/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

Dự thảo 02

NGHỊ ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 63/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; dự trữ quốc gia; kho bạc nhà nước

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 13 tháng 11 năm 2020; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 26 tháng 5 năm 2025.

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017; Luật số 56/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Dự trữ quốc gia Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024; Luật số 90/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 63/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; dự trữ quốc gia; kho bạc nhà nước.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 63/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; dự trữ quốc gia; kho bạc nhà nước

1. Sửa đổi, bổ sung các điểm a, b và c khoản 3 Điều 4 như sau:

“a) Buộc nộp lại số tiền tương ứng với giá trị còn lại của tài sản.

Trường hợp tài sản không được theo dõi, ghi sổ kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán để làm căn cứ xác định giá trị còn lại của tài sản thì người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có tài sản thành lập Hội đồng đánh giá lại giá trị của tài sản để tổ chức, cá nhân vi phạm thực hiện nộp lại số tiền tương ứng với giá trị đánh giá lại của tài sản đó. Thành phần của Hội đồng đánh giá lại giá trị của tài sản gồm: người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có tài sản là Chủ tịch Hội đồng hoặc người được ủy quyền làm chủ tịch, đại diện cơ quan tài chính cùng cấp và đại diện cơ quan chuyên môn có liên quan là thành viên.

Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng đánh giá lại giá trị của tài sản như sau:

Hội đồng làm việc theo nguyên tắc tập thể. Phiên họp để xác định giá trị tài sản chỉ được tiến hành khi có mặt ít nhất 2/3 số lượng thành viên của Hội đồng trở lên tham dự; trường hợp Hội đồng chỉ có 03 thành viên thì phiên họp phải có mặt đủ 03 thành viên. Chủ tịch Hội đồng điều hành phiên họp để xác định giá trị tài sản. Trước khi tiến hành phiên họp, những thành viên vắng mặt phải có văn bản gửi tới Chủ tịch Hội đồng nêu rõ lý do vắng mặt; có ý kiến về các vấn đề liên quan đến giá trị tài sản (nếu có).

Hội đồng kết luận về giá trị tài sản theo ý kiến đa số đã được biểu quyết và thông qua của thành viên Hội đồng có mặt tại phiên họp. Trong trường hợp có ý kiến ngang nhau thì bên có biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng là ý kiến quyết định. Thành viên của Hội đồng có quyền bảo lưu ý kiến của mình nếu không đồng ý với kết luận về giá trị của tài sản do Hội đồng quyết định; ý kiến bảo lưu đó được ghi vào Biên bản xác định giá trị tài sản.

Hội đồng phải lập Biên bản về việc đánh giá lại giá trị tài sản, phản ánh đầy đủ và trung thực toàn bộ quá trình đánh giá lại giá trị tài sản. Biên bản phải được lưu trong hồ sơ đánh giá lại giá trị tài sản.

Nội dung chính của Biên bản đánh giá lại giá trị tài sản gồm: Họ, tên Chủ tịch Hội đồng và các thành viên của Hội đồng; họ, tên những người tham dự phiên họp đánh giá lại giá trị tài sản; thời gian, địa điểm tiến hành việc đánh giá lại giá trị tài sản; kết quả khảo sát giá trị của tài sản; ý kiến của các thành viên của Hội đồng và những người tham dự phiên họp đánh giá lại giá trị tài sản; kết quả biểu quyết của Hội đồng; thời gian, địa điểm hoàn thành việc đánh giá lại giá trị tài sản; chữ ký của các thành viên của Hội đồng.

Hội đồng đánh giá lại giá trị tài sản chấm dứt hoạt động sau khi hoàn thành nhiệm vụ quy định tại Quyết định thành lập Hội đồng. Các trường hợp phát sinh sau khi Hội đồng chấm dứt hoạt động sẽ do cơ quan có thẩm quyền thành lập Hội đồng chủ trì xử lý.

b) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm hành chính.

Nguyên tắc xác định số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm hành chính:

b1) Việc xác định số lợi bất hợp pháp do người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính thực hiện và ghi trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính hoặc quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả.

b2) Số lợi bất hợp pháp được xác định từ khi tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm hành chính đến thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm hoặc có quyết định xử phạt vi phạm hành chính hoặc quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả.

b3) Trường hợp tổ chức, cá nhân thực hiện nhiều hành vi vi phạm hành chính thì xác định số lợi bất hợp pháp có được theo từng hành vi vi phạm hành chính. Trường hợp tổ chức, cá nhân thực hiện hành vi vi phạm hành chính nhiều lần thì xác định số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm hành chính theo từng lần.

c) Buộc hoàn trả lại tài sản, trường hợp tài sản đã bị thay đổi do hành vi vi phạm hành chính gây ra thì phải khôi phục lại tình trạng trước khi xảy ra vi phạm của tài sản; trường hợp không khôi phục lại được tình trạng của tài sản (tài sản bị mất hoặc không còn khả năng thu hồi) thì phải trả bằng tiền hoặc trả bằng tài sản khác có công năng và giá trị sử dụng tương đương với tài sản đã làm mất, làm huỷ hoại.”

2. Bổ sung Điều 8a vào sau Điều 8 như sau:

“Điều 8a. Hành vi vi phạm hành chính đối với việc chậm thi hành quyết định giao tài sản công cho cơ quan, tổ chức, đơn vị.

Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi chậm thi hành quyết định giao tài sản công cho cơ quan, tổ chức, đơn vị nhận bàn giao”.

3. Bổ sung điểm b khoản 4 Điều 13 như sau:

“Nguyên tắc xác định số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm hành chính được thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

Số lợi bất hợp pháp có được là toàn bộ số tiền tổ chức, cá nhân thu được từ hành vi vi phạm hành chính đối với hành vi sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết khi không có quyết định phê duyệt Đề án của cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về tài sản công; hành vi sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết sai mục đích so với đề án đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt, làm ảnh hưởng đến việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ do Nhà nước giao và được tính bằng số tiền thu được từ các hành vi vi phạm nêu trên sau khi đã trừ chi phí hợp pháp, hợp lý, hợp lệ của các chi phí đó do tổ chức, cá nhân vi phạm cung cấp. Thủ trưởng đơn vị chịu trách nhiệm về tính hợp pháp, hợp lý, hợp lệ của các chi phí do đơn vị mình cung cấp.”

4. Bổ sung Điều 13a vào sau Điều 13 như sau:

“Điều 13a. Hành vi vi phạm hành chính đối với các quy định về việc khai thác tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi khai thác tài sản công khi chưa được cơ quan, cấp có thẩm quyền ban hành Quyết định khai thác.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc hoàn trả lại tài sản do thực hiện hành vi quy định tại khoản 1 Điều này, trường hợp tài sản đã bị thay đổi do hành vi quy định tại khoản 1 Điều này gây ra thì phải khôi phục lại tình trạng ban đầu của tài sản; trường hợp không khôi phục lại được tình trạng ban đầu của tài sản thì phải trả lại bằng tiền hoặc tài sản có công năng và giá trị sử dụng tương đương với tài sản ban đầu.

b) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi quy định tại khoản 1 Điều này.

Nguyên tắc xác định số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm hành chính được thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

Số lợi bất hợp pháp có được là toàn bộ số tiền do cơ quan, tổ chức, đơn vị thu được từ hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 1 Điều này sau khi đã trừ chi phí hợp pháp, hợp lý, hợp lệ của các chi phí đó do cơ quan, tổ chức, đơn vị vi phạm cung cấp. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị chịu trách nhiệm về tính hợp pháp, hợp lý, hợp lệ của các chi phí do cơ quan, tổ chức, đơn vị mình cung cấp”.

5. Bổ sung Điều 15a vào sau Điều 15 như sau:

“Điều 15a. Hành vi vi phạm hành chính đối với việc chuyển giao tài sản công về địa phương quản lý, xử lý

Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi chậm thi hành quyết định chuyển giao tài sản công về địa phương quản lý, xử lý”.

6. Sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 3 Điều 17 như sau:

“đ) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm hành chính.

Nguyên tắc xác định số bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm hành chính được thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

Số lợi bất hợp pháp có được là toàn bộ số tiền thu được từ hành vi vi phạm hành chính đối với việc sử dụng số liệu về tài sản công trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công vào mục đích cá nhân mà không được cơ quan có thẩm quyền cho phép (sử dụng thông tin lưu giữ trong Cơ sở dữ liệu quốc gia vào các mục đích khác ngoài các mục đích theo quy định pháp luật về quản lý, khai thác Phần mềm Quản lý đăng ký tài sản công mà không được cơ quan có thẩm quyền quản lý cơ sở dữ liệu đó cho phép) và được tính bằng số tiền thu được từ hành vi vi phạm nêu trên sau khi đã trừ chi phí hợp pháp, hợp lý, hợp lệ của các chi phí đó do cá nhân vi phạm cung cấp. Cá nhân vi phạm chịu trách nhiệm về tính hợp pháp, hợp lý, hợp lệ của các chi phí do mình cung cấp.”.

7. Bổ sung điểm c khoản 2 Điều 22 như sau:

“c) Xử lý tài sản khi chưa có Quyết định phê duyệt phương án xử lý của cơ quan, người có thẩm quyền”.

8. Bổ sung Điều 24a vào sau Điều 24 như sau:

“Điều 24a. Hành vi vi phạm trong việc giao tài sản kết cấu hạ tầng; không lập hồ sơ quản lý, kế toán tài sản kết cấu hạ tầng

Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi:

1. Giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng khi không có quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công;”

9. Bổ sung Điều 24b vào sau Điều 24a như sau:

“Điều 24b. Hành vi vi phạm trong việc trực tiếp tổ chức thực hiện khai thác tài sản kết cấu hạ tầng

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi trực tiếp tổ chức thực hiện khai thác tài sản kết cấu hạ tầng khi không có Quyết định phê duyệt Đề án của cơ quan, người có thẩm quyền đối với trường hợp phải lập Đề án theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

2. Không lập hồ sơ quản lý, kế toán tài sản kết cấu hạ tầng”.

10. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 29 như sau:

“1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu (sau đây gọi là cấp xã) có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này.”

11. Sửa đổi, bổ sung Điều 30 như sau:

“Điều 30. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công

1. Trưởng đoàn kiểm tra của trong thời hạn kiểm tra trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 80.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

2. Cục trưởng Cục Quản lý công sản có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;